TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HIỆP** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **63**/2018/HNGĐST
Ngày 22-11-2018
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Minh Sơn**

2. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Kim Luyến** – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2018/TLST–HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2018/QĐST–HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Việt T** – sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hồng L** – sinh năm 1984 (vắng mặt lần 2, không lý do)

Địa chỉ: ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Việt T trình bày:***

Chị và anh Nguyễn Hồng L tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào

tháng 11 năm 2008, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban Nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang, Giấy Chứng nhận kết hôn số 59/2011, quyển số 01/2011, ngày 07/4/2011. Trước khi chung sống, vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 02 năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L không lo làm ăn, bỏ bê, không quan tâm, chăm lo cho vợ con. Từ đó, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, chị T có khuyên can anh L nhiều lần, cũng tạo nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng anh L vẫn không thay đổi. Chị T đã ly thân với anh L từ năm 2015 đến nay và từ đó đến nay anh L cũng không liên lạc, qua lại để thăm nom vợ con.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc D – sinh ngày 07/10/2009. Cháu đã có giấy khai sinh và hiện nay đang sống chung với chị T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T yêu cầu được ly hôn với anh L.

- *Về quan hệ con chung:* Chị T yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Ngọc D – sinh ngày 07/10/2009, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bị đơn anh Nguyễn Hồng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do nên anh L không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Việt T.

+ *Về quan hệ con chung:* Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc D cho chị Nguyễn Thị Việt T nuôi dưỡng.

+ *Về tài sản chung và nợ chung:* Do chị T không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Việt T được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp.

Anh Nguyễn Hồng L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Hồng L vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa chị T yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hồng L.

Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Nguyễn Thị Việt T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy chị Nguyễn Thị Việt T và anh Nguyễn Hồng L chung sống với nhau, được Uỷ ban Nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 59/2011, quyển số 01/2011, ngày 07/4/2011 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T:* Xét thấy, trong quá trình chung sống, thời gian đầu chị và anh L chung sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L không lo làm ăn, bỏ bê, không quan tâm, chăm lo cho vợ con. Từ đó, chị và anh L ngày càng xa cách, chị T có khuyên can anh L nhiều lần, cũng tạo nhiều cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng anh L vẫn không thay đổi. Chị và anh L đã ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay và từ đó đến nay anh L cũng không liên lạc, qua lại để thăm nom chị và cháu D. Xét thấy tình cảm giữa chị và anh L không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chính vì thế, việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh L là có cơ sở chấp nhận.

[3] *Xét yêu cầu xin nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng của chị T:*

Xét thấy, theo biên bản tiếp xúc, ghi nhận nguyện vọng của cháu Nguyễn Ngọc

D - sinh ngày 07/10/2009 thì nguyện vọng của cháu D là muốn được ở với mẹ là chị T. Mặt khác, cháu D hiện nay đang được chị T nuôi dưỡng, chị T vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu. Do vậy, yêu cầu nuôi con của chị T là có căn cứ.

Về cấp dưỡng: Do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 56, các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Việt T:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Việt T được ly hôn với anh Nguyễn Hồng L.

Về quan hệ con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Việt T, tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc D – sinh ngày 07/10/2009 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hồng L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Việt T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Việt T ly hôn với anh Nguyễn Hồng L.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Ngọc D – sinh ngày

07/10/2009 cho chị Nguyễn Thị Việt T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hồng L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hồng L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Việt T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0005132 ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Nguyễn Hồng L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trọng hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Đạo